TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số 101/2023/HS-ST Ngày 21/06/2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại;

Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 97/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 06 năm 2023 theo Quyết định đưa ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 06 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Văn V, sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn N, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ tên cha: Phạm Văn B, sinh năm 1959; họ tên mẹ: Hoàng Thị L, sinh năm 1960; gia đình bị cáo có ba anh em, bị cáo là con thứ nhất; họ tên vợ: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1979; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: 01 tiền án, Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định, xử phạt Phạm Văn V 03 năm tù về tội "*Đánh bạc*" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/03/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Anh Phạm Thế A, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn ĐB, xã PT, huyện G, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn N, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/12/2022, Công an xã PT, Công an huyện G, Hà Nội nhận được đơn của của anh Phạm Thế A, sinh năm 2001; trú tại: Thôn ĐB, PT, G, Hà Nội, trình báo về việc ngày 17/12/2022, Phạm Văn V có hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS 29N1-956.65 cùng giấy tờ đăng ký xe của anh Phạm Thế A.

Tài liệu thu giữ 01 UBS chứa đoạn video liên quan đến vụ việc, của bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1979; trú tại: Thôn ĐB, xã PT, G, Hà Nội, là mẹ đẻ của anh Phạm Thế A.

Quá trình điều tra xác định được nội dung vụ án như sau: Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Kim T là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2017. Hiện chị T sống cùng hai con chung là cháu Phạm Thế A và Phạm Trung H tại thôn ĐB, xã PT, G, Hà Nội. Tối ngày 17/12/2022, Phạm Văn V và anh Đậu Hải L, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 22, phường S, quận LB, Hà Nội đi Taxi đến nhà chị T chơi. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, V hỏi mượn của anh Phạm Thế A chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i, BKS 29N1 – 956.65 để đưa anh L về nhà thì Thế A đồng ý đưa cho V xe máy cùng giấy tờ xe. V nói với Thế A sau khi đưa L về sẽ mang trả lại xe máy. Sau đó, V điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i, BKS 29N1 - 956.65 chở L về khu phố B, LB, Hà Nội. Sau khi chở L về nhà, V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy để bán lấy tiền tiên xài cá nhân. V dùng số điện thoại 0934281659 gọi vào số 0982971161 của Nguyễn Chí T, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 16 TB, quận LB, Hà Nội, là bạn bè xã hội để bán xe máy. Khi gặp T tại đầu ngách 191/41 đường TB, phường TB, LB thì V nói chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i BKS 29N1 – 956.65 là của V mua cho con trai Phạm Thế A nhưng Thế A không sử dụng. T không nghi ngờ nên đồng ý mua chiếc xe máy với giá 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Sau đó, V cầm tiền và đi về Hải Phòng tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 18/12/2022, chị

Nguyễn Thị Kim T liên lạc nhắc V trả lại xe máy cho Thế A thì V nói đã mang đi bán lấy tiền tiêu xài và không có khả năng lấy lại xe.

Tại kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: *01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i, dung tích xi lanh: 124,8, sản xuất năm 2022, đăng ký mới 25/5/2022, đã qua sử dụng, BKS: 29N1-956.65 có giá trị: 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng)*.

Đối với anh Đậu Hải L không biết việc Phạm Văn V chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i, BKS 29N1 – 956.65 của anh Phạm Thế A nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Đối với anh Nguyễn Chí T là người mua chiếc xe máy của bị can Phạm Văn V, anh T không biết được là tài sản do V phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960; trú tại: N, HB, VB, Hải Phòng, là mẹ đẻ của bị cáo Phạm Văn V, đã mua lại chiếc xe máy Honda SH 125i, BKS 29N1 – 956.65 của anh Nguyễn Chí T để khắc phục trả lại anh Phạm Thế A. Anh Phạm Thế A đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự. Bà Hoàng Thị L không có yêu cầu Phạm Văn V phải bồi hoàn số tiền đã mua lại chiếc xe máy.

Đối với 01 USB ghi lại hình ảnh bị cáo Phạm Văn V liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản lưu trong sơ vụ án.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện G, Phạm Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 106/CT-VKSGL ngày 31 tháng 05 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị L trình bày: Trước khi bị công an bắt, bị cáo có nhờ bà chuộc lại chiếc xe máy để giao trả cho bị hại. Bà đã mua lại chiếc xe máy của anh T và giao trả cho anh Phạm Thế A, nay bà không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn cho bà số tiền bà đã bỏ ra để mua

lại chiếc xe máy. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là anh Phạm Thế A vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó có lời khai: Giữ nguyên toàn bộ lời trình bầy trước đây tại Cơ quan điều tra; về hình phạt: Anh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Anh đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện G tham gia phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn V phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 5 Điều 65 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn V từ 24 tháng đến 30 tháng tù; tổng hợp hình phạt 03 năm tù về tội "*Đánh bạc*" nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định, buộc Phạm Văn V phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là từ 60 tháng đến 66 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/03/2023, được trừ thời giam tạm giữ từ ngày 30/05/2020 đến ngày 06/06/2020 theo Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo nên không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị L không yêu cầu giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo nên không xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 UBS chứa đoạn video liên quan đến vụ việc của bà Nguyễn Thị Kim T. Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, nay không có tranh chấp nên không xét.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện G và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị hại là anh Phạm Thế A vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh Thế A không gây trở ngại cho việc xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Thế A.

[3] *Về hành vi phạm tội và tội danh*:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 17/12/2022, tại thôn ĐB, xã PT, huyện G, Hà Nội, lợi dụng lòng tin của bị hại, bị cáo Phạm Văn V đã mượn của anh Phạm Thế A chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i, BKS 29N1 – 956.65, có giá trị: 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng) nói là để đưa anh Đậu Hải L về nhà sau đó sẽ mang trả lại. Sau khi chở L về nhà, do cần tiền trả nợ và để tiêu xài cá nhân, V nảy sinh ý định chiếm đoạt và đã bán chiếc xe máy nói trên cho Nguyễn Chí T để lấy tiền tiêu xài cá nhân; không trả lại xe cho anh Phạm Thế A. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" với dấu hiệu định khung hình phạt là "*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo*:

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tác hại và hậu quả gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi cá nhân.

[4.2] *Về nhân thân bị cáo*: Năm 2020, bị cáo Phạm Văn V đã bị kết án về tội "*Đánh bạc*", nhưng trong thời gian thử thách lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Như vậy, thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, đã được các cơ quan pháp luật giáo dục, cải tạo, nhưng không cố gắng rèn luyện bản thân, hòa nhập cộng đồng, mà lại tiếp tục phạm tội.

[4.3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo V đã tác động đến mẹ đẻ của mình là bà L để mua lại xe và giao trả lại cho bị hại trong vụ án. Bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*:

Bị cáo Phạm Văn V đã bị kết án 03 năm tù về tội "*Đánh bạc*" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm theo Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định. Trong thời gian thử thách, bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới, theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự thì lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "*Tái phạm*" là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo việc răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện G tại phiên toà là phù hợp.

[4.5] *Về tổng hợp hình phạt*:

Tại Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định đã xử phạt Phạm Văn V 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Trong thời gian thử thách, bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu. Căn cứ khoản 5 Điều 65 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật

Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt, buộc Phạm Văn V phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án và được trừ thời giam tạm giữ từ ngày 30/05/2020 đến ngày 06/06/2020 theo Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định.

[4.6] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Đối với 01 UBS chứa đoạn video liên quan đến vụ việc thu giữ của bà Nguyễn Thị Kim T là tài liệu có liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu, lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Mẹ đẻ của bị cáo là bà Hoàng Thị L đã mua lại chiếc xe máy Honda SH 125i, BKS 29N1 – 956.65 của anh Nguyễn Chí T để trả lại anh Phạm Thế A, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*:

Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị L không yêu cầu bị cáo Phạm Văn V bồi hoàn lại số tiền 80.000.000 đồng mà bà đã trả cho anh Nguyễn Chí T để mua lại chiếc xe máy Honda SH 125i, BKS 29N1 – 956.65 để trả lại cho anh Phạm Thế A nên Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] *Về các nội dung khác*:

Đối với anh Đậu Hải L không xúi giục, không tham gia vào việc Phạm Văn V chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i, BKS 29N1 – 956.65 của anh Phạm Thế A cũng không được hưởng lợi từ việc Phạm Văn V bán xe, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Chí T khi mua chiếc xe máy của Phạm Văn V không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn V phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

2. *Về hình phạt*:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 5 Điều 65 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn V 02 năm 06 tháng tù; buộc Phạm Văn V phải chấp hành hình phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định nay chuyển thành tù giam; tổng hợp hình phạt, buộc Phạm Văn V phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/03/2023, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/05/2020 đến ngày 06/06/2020 theo Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định.

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 UBS chứa đoạn video liên quan đến vụ việc thu giữ của bà Nguyễn Thị Kim T.

Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về trách nhiệm dân sự*:

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị cáo nên không xét; trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Bị cáo Phạm Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh Phạm Thế A vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị L có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã HB (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Trọng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA